

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 10

Tổ :

Trang 1/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Anh văn 1 - 10-213603

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	GIỚI	LỚP	Ký tên	Số tổ	D 1 (%)	D 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14149248	NGÔ	ĐIỂN	DH14Q0MNT	<i>Ngô</i>	6.1			8.8	8.0	8	0
2	14149249	LÊ THỊ THANH	HÀNG	DH14Q0MNT	<i>Thang</i>	6.7			8.7	8.1	8	1
3	14149250	ĐƯƠNG THỊ	HIỆP	DH14Q0MNT	<i>Thi</i>	6.6			8.8	8.1	8	1
4	14149252	LÊ HOÀI	NAM	DH14Q0MNT	<i>Cue</i>	8.3			7.3	7.6	7	6
5	14149255	PHAN THANH	NGUYỄN	DH14Q0MNT	<i>Nguyễn</i>	6.5			7.7	7.3	7	3
6	14149256	ĐÀNG THỊ CÔNG	NHÂN	DH14Q0MNT	<i>Nhan</i>	5.1			5.6	5.5	5	5
7	14149260	NGUYỄN THỊ	TÂM	DH14Q0MNT	<i>Tâm</i>	7.6			7.6	7.6	7	6
8	14149261	HUỖNH LÊ HỒNG	THUY	DH14Q0MNT	<i>Hue</i>	6.1			8.0	7.4	8	4
9	14149262	HỒ THỊ CHUNG	TÌNH	DH14Q0MNT	<i>Thi</i>	6.2			7.0	6.8	7	8
10	14149263	NGUYỄN VĂN	TRUNG	DH14Q0MNT	<i>Trung</i>	4.2			5.7	5.3	5	3
11	14149265	THÁI THỊ THUY	TRÚC	DH14Q0MNT	<i>Thai</i>	6.2			7.2	6.9	7	9
12	14149343	NGUYỄN VĂN VIỆT	BẢO	DH14Q0MNT	<i>Bao</i>	8.5			9.0	8.9	9	9
13	14149344	PHẠM ĐÀNG	BẢO	DH14Q0MNT	<i>Pham</i>	5.5			8.0	7.3	8	3
14	14149345	LÊ THỊ BẢO	CHÂU	DH14Q0MNT	<i>Chau</i>	7.1			8.1	7.8	8	1
15	14149346	PHẠM MINH	CHÂU	DH14Q0MNT	<i>Pham</i>	6.0			8.0	7.4	8	4
16	14149348	LÊ KHƯƠNG	CHÍNH	DH14Q0MNT	<i>Chinh</i>	6.3			7.9	7.4	7	4
17	14149350	TÔN LƯƠNG BÍCH	DIỆP	DH14Q0MNT	<i>Diep</i>	5.4			8.7	7.7	8	7

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 10

Tổ :

Trang 2/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Anh văn 1 - 10-213603

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	D 1 (%)	D 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	14149353	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	DH14QMNT	<i>Trương</i>	6.6		7.9	7.5	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19	14149354	TRƯƠNG THỊ KIẾN	GIANG	DH14QMNT	<i>Thyue</i>	6.3		7.0	6.8	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20	14149355	LÊ THANH	HẢI	DH14QMNT	<i>V</i>					☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21	14149356	HUYỀN THU	HÀNG	DH14QMNT	<i>Thuy</i>	7.8		8.6	8.4	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22	14149359	VÔ HUY	HOÀNG	DH14QMNT	<i>Nguyen</i>	6.2		4.1	4.7	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23	14149360	LÊ ANH	HỒ	DH14QMNT	<i>Ho</i>	6.8		7.5	7.3	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24	14149362	TRẦN THỊ XUÂN	HƯƠNG	DH14QMNT	<i>Th</i>	7.7		7.9	7.8	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25	14149363	HUYỀN LÊ	KHANH	DH14QMNT	<i>Nguyen</i>	6.3		6.5	6.4	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26	14149364	PHAN THÁI	KHANH	DH14QMNT	<i>Phan</i>	6.6		6.2	6.3	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27	14149365	THÔNG KIM	KHÁNH	DH14QMNT	<i>Kim</i>	5.6		6.9	6.5	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28	14149366	TRẦN ANH	KHOA	DH14QMNT	<i>Tran</i>	6.9		7.5	7.3	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29	14149367	LÀ THỊ KIM	KHUYẾN	DH14QMNT	<i>V</i>					☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30	14149369	NGUYỄN THỊ KIM	LÀNH	DH14QMNT	<i>Kim</i>	5.5		7.1	6.6	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31	14149373	NGUYỄN VĂN	MINH	DH14QMNT	<i>Nguyen</i>	4.9		7.2	6.5	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32	14149374	NGUYỄN VĂN	MINH	DH14QMNT	<i>Nguyen</i>	6.1		7.8	7.3	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
33	14149377	VÔ NGỌC PHƯƠNG	NAM	DH14QMNT	<i>Pham</i>	7.6		6.7	7.0	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
34	14149378	TRẦN THỊ MINH	NGA	DH14QMNT	<i>Thuy</i>	6.1		7.3	6.9	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 10

To:

Trang 3/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Học kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Anh văn 1 - 10-213603

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tđ	D 1 ($\frac{1}{2}$)	D 2 ($\frac{1}{2}$)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	14149379	LÊ THỊ THU	NGÂN			7.4		5.8	6.3		
36	14149380	TRẦN THỊ TUYẾT	NGÂN			6.7		7.5	7.3		
37	14149384	ĐÀO DUY	NHÂN			6.6		6.1	6.3		
38	14149385	ĐỖ TÂN	NHẤT								
39	14149386	NGUYỄN QUÁCH Ý	NHI			7.3		6.9	7.0		
40	14149387	ĐẶNG THỊ MINH	NHƯ			6.3		6.9	6.7		
41	14149388	TRẦN THỊ KHÁNH	NHƯ			7.8		7.7	7.7		
42	14149389	NGÔ TRIỆU	PHÁT			7.1		6.2	6.5		
43	14149390	PHAN HIẾU	PHONG			5.1		7.0	6.4		
44	14149392	NGUYỄN VĂN	PHÚC			6.4		6.2	6.3		
45	14149395	ĐẶNG ĐỨC	QUỲNH			6.4		7.3	7.0		
46	14149396	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH			6.1		5.6	5.8		
47	14149397	TRẦN PHAN TRÚC	QUỲNH			7.6		6.7	7.0		
48	14149398	NGUYỄN THỊ	SANG			4.9		7.6	6.8		
49	14149404	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO			7.3		7.3	7.3		
50	14149405	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO			6.2		6.6	6.5		
51	14149407	NGUYỄN THỊ THANH	THAI			6.9		8.2	7.8		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 10

Tổ :

Trang 4/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Anh văn 1 - 10-213603

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	THI	LỚP	Ký tên	Số tổ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
52	14149409	PHƯƠNG AI	THI	DH14Q/MNT		6.6		7.3	7.1			
53	14149413	TRƯƠNG THỊ MINH	THƯ	DH14Q/MNT		5.9		8.3	7.6			
54	14149414	LÊ NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	DH14Q/MNT		7.9		8.8	8.5			
55	14149415	NGUYỄN THỊ CẨM	TÊN	DH14Q/MNT		7.8		7.7	7.7			
56	14149416	NGUYỄN ĐĂNG CAO	TIỀN	DH14Q/MNT		5.0		5.0	5.0			
57	14149417	HUỖNH THỊ NHÃN	TÍNH	DH14Q/MNT		7.5		7.1	7.2			
58	14149418	ĐỖ THỊ HUỖN	TRANG	DH14Q/MNT		6.1		7.2	6.9			
59	14149419	ĐÀU KHẮC	TRIỀU	DH14Q/MNT		7.6		7.7	7.6			
60	14149420	TRẦN TỐ	TRÌNH	DH14Q/MNT		7.2		7.1	7.1			
61	14149421	VÀNG THỊ MỸ	TRINH	DH14Q/MNT		5.0		5.0	5.0			
62	14149424	ĐÀO NHẬT	TRONG	DH14Q/MNT		5.4		7.2	6.7			
63	14149425	NGUYỄN MINH	TRÔNG	DH14Q/MNT		6.1		7.4	7.0			
64	14149426	NGUYỄN TIẾN	TRUNG	DH14Q/MNT		7.7		5.1	5.9			
65	14149427	NGUYỄN THỊ BỘI	TUYẾN	DH14Q/MNT		5.0		5.6	6.1			
66	14149428	TRẦN MINH	TUYẾN	DH14Q/MNT		5.7		6.4	6.2			
67	14149429	NGUYỄN HỮU NGỌC	TU	DH14Q/MNT		5.8		6.3	6.2			
68	14149430	NGUYỄN PHƯƠNG	UYẾN	DH14Q/MNT		5.3		7.3	6.7			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 10

Tổ :

Trang 5/4

Môn Học : Anh văn 1 - 10-213603

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

CBGD:

Mã nhận dạng 04910

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ (%)	D 1 (%)	D 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
69	14149431	PHẠM THANH	UYÊN	DH14QMNT		6.8	7.4	7.2			
70	14149432	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	DH14QMNT		6.4	6.3	6.3			
71	14149433	TÔNG THỊ HOÀNG BÍ	VÂN	DH14QMNT		5.5	5.3	5.4			
72	14149436	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	DH14QMNT		6.4	6.6	6.5			
73	14149439	NGUYỄN TRẦN ANH	THO	DH14QMNT		7.8	7.3	7.5			
74	14149440	NGUYỄN THỊ	THÚY	DH14QMNT		6.9	6.1	6.3			

Số lượng vắng: 03

Hiện diện: 71

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Thị Anh

Nguyễn Thị Thanh Xuân

Phạm Thị Thanh Xuân

Nguyễn Thị Thanh Xuân